

CHÍNH PHỦ
Số: 141/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày
16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số 1357/VPQH-CVĐXH
ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Văn phòng Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là một hoạt động kinh tế - xã hội
góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm
việc tiên tiến cho người lao động.

2. Nhà nước khuyến khích các cơ quan, tổ chức, người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước tham gia vào việc mở thị trường, tìm đối tác, hợp đồng để tạo điều kiện cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp), của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (sau đây gọi là người lao động), người bảo lãnh cho người lao động và của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý người lao động; những hành vi vi phạm và việc xử lý các hành vi vi phạm về quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất khẩu lao động.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp.
2. Người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Người bảo lãnh cho người lao động.
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu lao động.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở khu vực, nghề và công việc mà pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước tiếp nhận lao động cấm.
2. Lợi dụng danh nghĩa đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài trái pháp luật.
3. Lợi dụng danh nghĩa đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức tuyển chọn, đào tạo, thu tiền của người lao động trái quy định của pháp luật.
4. Tổ chức đưa người lao động ra nước ngoài làm việc mà không đăng ký hợp đồng theo quy định của pháp luật.
5. Bỏ trốn ngay sau khi nhập cảnh vào nước tiếp nhận lao động.
6. Tự ý bỏ nơi đang làm việc theo hợp đồng lao động.
7. Không về nước khi chấm dứt hợp đồng lao động theo thời hạn quy định của nước sở tại.

8. Tổ chức, lôi kéo, kích động, ép buộc người lao động đình công trái pháp luật của nước sở tại.

9. Tổ chức môi giới, lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt người lao động Việt Nam ở nước ngoài bỏ nơi làm việc theo hợp đồng lao động.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Tuyển chọn lao động

Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định này phải trực tiếp tuyển chọn lao động; phối hợp với chính quyền địa phương thông báo công khai về số lượng lao động tuyển chọn, giới tính, độ tuổi, ngành nghề, thời hạn hợp đồng, điều kiện làm việc và sinh hoạt, tiền công, tiền làm thêm giờ và các khoản thu nhập khác (nếu có), bảo hiểm xã hội, các khoản chi phí mà người lao động phải nộp trước khi đi và trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

Điều 6. Tổ chức đào tạo, giáo dục định hướng

Doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức dạy ngoại ngữ, giáo dục định hướng và bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra cấp chứng chỉ cho người lao động khi kết thúc khoá học theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Ký hợp đồng với người lao động và ký hợp đồng bảo lãnh

Doanh nghiệp có trách nhiệm ký "Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài" với người lao động và "Hợp đồng bảo lãnh" với người bảo lãnh cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 8. Đưa người lao động đến nơi làm việc ở nước ngoài

Doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với đối tác nước ngoài, người sử dụng lao động đưa người lao động đến nơi làm việc theo hợp đồng đã ký với phía nước ngoài.

Điều 9. Quản lý và giải quyết các vấn đề phát sinh đối với người lao động

Doanh nghiệp có trách nhiệm sau:

1. Cử cán bộ đại diện doanh nghiệp kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng; bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động.
2. Cùng với đối tác và người sử dụng lao động nước ngoài giải quyết các vấn đề phát sinh đối với người lao động trong các trường hợp:
 - a) Người sử dụng lao động thực hiện không đúng hợp đồng lao động đã ký với người lao động;
 - b) Người lao động bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro hoặc bị bệnh nghề nghiệp, bị xâm hại danh dự, nhân phẩm;
 - c) Người lao động bị chết.
3. Tư vấn, hỗ trợ người lao động trong trường hợp có tranh chấp về quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động.
4. Phối hợp với đối tác, gia đình và người bảo lãnh vận động, thuyết phục người lao động đã bỏ trốn trở lại nơi làm việc theo hợp đồng; nếu người lao động không thực hiện, doanh nghiệp phải báo cáo với Cục quản lý lao động ngoài nước, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc các cơ quan khác được uỷ nhiệm thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện Việt Nam) ở nước sở tại để xử lý theo quy định của Nghị định này.
5. Cung cấp thông tin cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại để cấp giấy tờ cho người lao động về nước.

Điều 10. Thanh lý hợp đồng với người lao động

Doanh nghiệp thanh lý "Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài" với người lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước

1. Đăng ký hợp đồng theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo danh sách người lao động đã đưa đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật; báo cáo định kỳ, báo cáo các trường hợp người lao động bị chết, bị tai nạn, bị mất tích, đình công, xí nghiệp bị phá sản, người lao động bỏ trốn và các phát

sinh khác có liên quan gửi Cục quản lý lao động ngoài nước và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI BẢO LÃNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Tham gia tuyển chọn

Khi tham gia tuyển chọn, người lao động có trách nhiệm tìm hiểu kỹ các nội dung: chính sách, pháp luật của Việt Nam và nước sở tại; tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn; thời hạn hợp đồng; loại công việc sẽ làm; nơi làm việc; điều kiện làm việc và sinh hoạt; tiền công, tiền làm thêm giờ và các khoản thu nhập khác (nếu có); chế độ bảo hiểm; các khoản chi phí mà người lao động phải nộp trước khi đi và trong thời gian làm việc ở nước ngoài; những thông tin cần thiết khác trong hợp đồng.

Điều 13. Tham gia các khoá đào tạo, giáo dục định hướng

Trước khi đi làm việc ở nước ngoài, người lao động phải tham gia đầy đủ các khoá đào tạo, các kỳ kiểm tra về ngoại ngữ, giáo dục định hướng, bổ túc tay nghề theo quy định.

Điều 14. Ký hợp đồng với doanh nghiệp

1. Ký "Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài" với doanh nghiệp sau khi đã nghiên cứu kỹ các điều kiện trong hợp đồng.
2. Thực hiện đầy đủ các nội dung trong "Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài" đã ký với doanh nghiệp.
3. Lựa chọn và giới thiệu người bảo lãnh để ký "Hợp đồng bảo lãnh" với doanh nghiệp.

Điều 15. Thực hiện hợp đồng làm việc ở nước ngoài

Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động có trách nhiệm:

1. Đến làm việc tại nơi được thỏa thuận trong "Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài" đã ký với doanh nghiệp.
2. Ký, thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng lao động với người sử dụng lao động và nội quy nơi làm việc.